

Bệnh Viện Bình An – Medic Kiên Giang

Viêm phổi Covid – 19

ca lâm sàng

Bs Nguyễn Trường Minh (Khoa Nội)

Hành Chánh

- ▶ Họ tên: DƯƠNG VĂN H. **NAM, 73 TUỔI**
- ▶ Mã BN: 0001286853– Mã KCB:(2100236631;2100236631;2200014714)
- ▶ Khám ngày: 20/12/2021 -> Lý do: **Khó thở**
- ▶ Bệnh sử: BN tự test nhanh covid - 19 (+) 1 tuần, không triệu chứng, cùng ngày nhập viện bệnh nhân khó thở nhiều -> BV Bình An
- ▶ Tiền sử: Có **máy tạo nhịp tim** (dùng dabigatran), THA, đái tháo đường
- ▶ Test nhanh covid - 19 (+) tại BV
- ▶ Lâm sàng: SPO2: **88% khí trời, khó thở**

Toa thuốc cũ

Age-Tuổi : 71 Nam/Nữ : NAM HIN-Số BN : 195
Địa Chỉ / address:
Chẩn đoán / diagnosis: Tăng huyết áp- máy tạo nhịp Biotronik EVIA SR - T

1. <u>PRADAXA 150</u> 1 viên buổi sáng, on morning,	viên buổi trưa, at midday,	1 viên buổi chiều on evening
2. <u>EXFORGE 80/5</u> 1 viên buổi sáng, on morning,	viên buổi trưa, at midday,	viên buổi chiều on evening
3. <u>ATORVASTATINE 20</u> viên buổi sáng, on morning,	viên buổi trưa, at midday,	1 viên buổi chiều on evening
4. <u>JANUVIA 100</u> 1 viên buổi sáng, on morning,	viên buổi trưa, at midday,	viên buổi chiều on evening
5. <u>NEUROBION</u> 1 viên buổi sáng, on morning,	viên buổi trưa, at midday,	viên buổi chiều on evening
6. _____ viên buổi sáng, on morning,	viên buổi trưa, at midday,	viên buổi chiều on evening
7. _____ viên buổi sáng, on morning,	viên buổi trưa, at midday,	viên buổi chiều on evening

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM C
1/ Định lượng Glucose [Máu] sau ăn 2h	18,51	(<10,50 mmol/L)
2/ AST (GOT)	32,1	(6 - 25 U/L)
3/ ALT (GPT)	53,6	(3 - 30 U/L)
4/ Định lượng Ure máu	55,7	(15 - 40 mg/dL)
5/ Điện giải đồ (Na, K, Cl)	*	
Na	135,5	(130 - 145 mmol/L)
K	4,34	(3,50 - 5,10 mmol/L)
Cl	100,7	(96 - 108 mmol/L)
6/ CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity)	28,81	(<5 mg/L)
7/ Độ lọc cầu thận (eGFR)	*	
Creatinin	0,93	(0,60 - 1,40 mg/dL)
eGFR	80	(90 - 130 mL/min)
8/ Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser):	*	
WBC	17,31	(4,0 - 10,0 10 ⁹ /L)
Neu	89,5	(40 - 74 %)
Lym	1,9	(25 - 45 %)
Mono	7,8	(3 - 9 %)
Eos	0,2	(0 - 7 %)
Baso	0,6	(0 - 1,50 %)
RBC	5,39	(3,8 - 5,4 10 ¹² /L)
Hb	16,2	(12 - 18 g/dl)
Hct	50,6	(35 - 50 %)
MCV	94,0	(80 - 97 fL)
MCH	30,1	(26 - 32 pg)

13 giờ 36 phút, ngày 20 tháng 12 năm 202

KHOA XÉT NGHIỆM

Phòng: Phòng Cấp Cứu TH

Chẩn đoán: J18-Viêm phổi, tác nhân không xác định (Viêm phổi nặng)/B34.2-Nhiễm coronavirus, vị trí không xác định/ E11-Bệnh đái tháo đường không phụ thuộc insuline/ I10-Bệnh lý tăng huyết áp

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU
MCHC	32,0	(31 - 36 g/dl)
RDW	13,7	(11,0 - 15,7 %)
PLT	259	(150 - 400 10 ⁹ /L)
MPV	9,3	(6,30 - 10,10 fL)
9/ Troponin I (Máu)	0,013	(< 0,06 ng/mL)

Ghi chú:

Xquang ngực



Chẩn đoán

Suy hô hấp/ Viêm phổi nặng/ covid – 19 nghi ngờ (pha phổi muện)/ Đái tháo đường typ2/ máy tạo nhịp tim/ Bệnh tim TMCB/ tăng huyết áp

=> CHUYỂN BV THU DUNG TỈNH KIÊN GIANG

20/12/2021(Thu Dung)

Yêu cầu xét nghiệm	Kết quả
Huyết học	
Định lượng D-Dimer	0.62
Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	4.44

TCK	35.0		
Ref.T	29.5		
Ratio	1.19		
INR	1.39		
TQ	17.8		
Tỷ lệ Prothombin	62		
Nhóm máu Rh	DU'ONG		
Ref.T	13.0		
Nhóm máu hệ ABO	O		
Nhóm máu Rh			
RBC	4.97	M/uL	(4.2 - 5.4)
HGB	15.3	g/dL	(12-16)
HCT	44.0	%	(36-47)
MCV	88.5	fL	(80-99)
MCH	30.8	pg	(27-31)
MCHC	34.8	g/dL	(33-37)
RDW	14.8	%	(11.5-14.5)
PLT	238	K/uL	(150-400)
WBC	16.37	K/uL	(5-10)
NEU	92.2	%	(40-74)
LYM	3.2	%	(19-48)
MONO	4.3	%	(3.4-9.0)
EOS	0.0	%	(0-7)
BASO	0.3	%	(0-1.5)
NEU#	15.09	K/uL	(1.9-8.0)
LYM#	0.52	K/uL	(0.9-5.2)
MONO#	0.71	K/uL	(0.2-1.0)
EOS#	0.00	K/uL	(0.0-0.8)
BASO#	0.05	K/uL	(0-0.2)
RDW-SD		fL	(36.8-46.7)

20/12

Yêu cầu xét nghiệm	Kết quả	Bất thường	Đơn vị	Chỉ số bình thường
Sinh hóa				
Định lượng CRP	18.06			
Định lượng IL-6 (Interleukin 6) [Máu]	18.84			
Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	48.0			
Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	40.1			
Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]				
Định lượng Albumin [Máu]	32.1			
Định lượng Creatinin (máu)	78.5			
Định lượng Protein toàn phần [Máu]	62.7			
Định lượng Urê máu [Máu]	9.2			
Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)				
Định lượng Ferritin [Máu]	1302			
Xét nghiệm Khí máu [Máu]				
Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu]	7.95			
Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [Máu]	582			
Định lượng Troponin Ths [Máu]	13.13			
Beb				
Na+	136.9			
Cl-	100.7			
K+	4.29			
eGFR (Độ thanh lọc cầu thận)				
PAT.TEM				
PCO2(T)				
pH(T)				
PO2				

20/12

Chẩn đoán: U07.2-COVID-19 nghi ngờ hoặc có thể (chưa có kết quả xét nghiệm khẳng định SARS-CoV-2)

Yêu cầu xét nghiệm	Kết quả	Bất thường	Đơn vị	Chỉ số bình thường
<u>Vì sinh</u>				
Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR	Dương tính Ct : 34.47			

Ct cao -> tải lượng virus thấp (giai đoạn giảm virus?)

Lâm sàng - điều trị (5 ngày)

NGÀY GIỜ	DIỄN BIẾN BỆNH	
20/12/2021 20:30	Khu phân loại bệnh nhân Huyết áp 120/80mmHg M: 90 l/ph Spo2 88% (khí trời) Nhịp thở 24 l/ph Bệnh sử: Cùng ngày bệnh nhân khó thở nhiều, ho đàm, nặng ngực (T), test nhanh tại Bệnh viện Bình An dương tính, chuyển khu Thu dung bệnh viện tỉnh Tiền sử: tiêm 2 mũi vacxin covid 19 Astrazeneca; tăng huyết áp Hiện tại khám ghi nhận: Bệnh tình, tiếp xúc tốt Khó thở Ho đàm Mệt Nặng ngực Tim đều Phổi ran nổ Bụng mềm Chẩn đoán: CoVid 19 nghi ngờ/ Suy hô hấp cấp; viêm phổi nặng; tăng huyết áp	○ Levogolds 750mg/150ml (750mg/150ml), số lượng: 1 Túi (ttm): (1 túi (TTM) XL g/p 21h) - cipremi RTU H1 (100mg/20ml), số lượng: 2 Lọ (ttm): (2 lọ pha NaCl 0,9% 500ml (TTM) Cg/p 21h) - Dexamethason 4mg/ 1ml (" 4mg/ 1ml (tương đương 3,3mg Dexamethason/ 1ml) "), số lượng: 2 Ống (tmc): (21h) - Lovenox 40mg/0,4ml (4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/ 0,4ml), số lượng: 2 Bơm tiêm (tdd): (2 bơm tiêm tdd 21h) - Naprozole -R 20mg (20mg), số lượng: 1 Lọ (tmc): (1 lọ (TMC) 21h) - Mixtard 30 ((700IU+300IU)/10ml), số lượng: 45 UI (tdd): (20ui: 21h - 25ui:05h) Thở Oxy mask túi 15 l/p Theo dõi sinh hiệu/4h

25/12

Yêu cầu xét nghiệm	Kết quả	Bất thường	Đơn vị	Chỉ số bình thường
<u>Vi sinh</u>				
Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR	Âm tính			
06 giờ 12 phút Ngày 25 tháng 12 năm 2021				

Lâm sàng: SpO2 96-97% còn khó thở, tăng khi gắng sức, thở oxy 2 lít/ph giảm mệt

Thuốc ngày 25/12

Levogolds 750mg/150ml (Syt2021-23)	Levofloxacin	750mg/150ml	Túi		1	1	Tiêm	250,000	250,000	Túi
Piperacillin/ Tazobactam Kabi 2g/0,25g (Syt2021-23)	Piperacilin + tazobactam*	2g + 0,25g	Lọ		1	2	Tiêm	77,000	616,000	Lọ
Natri Clorid 0,9% 500ml (Syt2021-23)	Natri clorid	0,9%; 500ml	Chai		1	1	Tiêm truyền	6,794	6,794	Chai
Kali Clorid 500mg (Syt2021-23)	Kali clorid	500mg	Viên		1	2	Uống	745	2,980	Viên
Lovenox 40mg/0,4ml (CĐTh1029-031221)	Enoxaparin (natri)	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/ 0,4ml	Bơm tiêm		1	1	Tiêm	89,650	179,300	Bơm tiêm
Naproxole -R 20mg (MSTT135-120321)	Rabeprazol	20mg	Lọ		1	1	Tiêm	115,000	115,000	Lọ
Natri clorid 0,9% 100ml (MSTT181- 090421)	Natri clorid	0,9%/100ml	Chai		1	1	Tiêm truyền	7,035	28,140	Chai
Dexamethason 4mg/ 1ml (Syt2021-23)	Dexamethason	" 4mg/ 1ml (tương đương 3,3mg Dexamethason/ 1ml) "	Ống		1	1	Tiêm	752	752	Ống
Mixtard 30 (MSTT135- 120321)	Insulin analog trộn, hỗn hợp	(700IU+300IU)/10m	UI		1	25	tdd	70	3,500	UI

BN xuất viện -> BV Bình An điều trị tiếp

- ▶ SpO2 = 97%
- ▶ Còn khó thở khi nghỉ ngơi, tăng khi vận động
- ▶ Khỏe hơn khi thở oxy 2 lít/ phút
- ▶ Phổi ran nổ rải rác 2 bên

Xét nghiệm

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU
1/ Định lượng Glucose [Máu] sau ăn 3h	20,80	(<8,5 mmol/L)
2/ AST (GOT)	49,6	(6 - 25 UI/L)
3/ ALT (GPT)	46,7	(3 - 30 UI/L)
4/ Định lượng Ure máu	49,7	(15 - 40 mg/dL)
5/ Creatinin	0,98	(0,60 - 1,40 mg/dL)
6/ Điện giải đồ (Na, K, Cl)	*	
Na	138,0	(130 - 145 mmol/L)
K	5,10	(3,50 - 5,10 mmol/L)
Cl	106,7	(96 - 108 mmol/L)
7/ Cholesterol toàn phần	3,31	(3,40 - 5,40 mmol/L)
8/ Triglycerid	2,24	(0,6 - 2,30 mmol/L)
9/ Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser):	*	
WBC	14,58	(4,0 - 10,0 10 ⁹ /L)
Neu	86,8	(40 - 74 %)
Lym	4,7	(25 - 45 %)
Mono	7,1	(3 - 9 %)
Eos	1,1	(0 - 7 %)
Baso	0,4	(0 - 1,50 %)
RBC	5,07	(3,8 - 5,4 10 ¹² /L)
Hb	15,3	(12 - 18 g/dl)
Hct	47,3	(35 - 50 %)
MCV	93,2	(80 - 97 fL)
MCH	30,1	(26 - 32 pg)
MCHC	32,3	(31 - 36 g/dl)

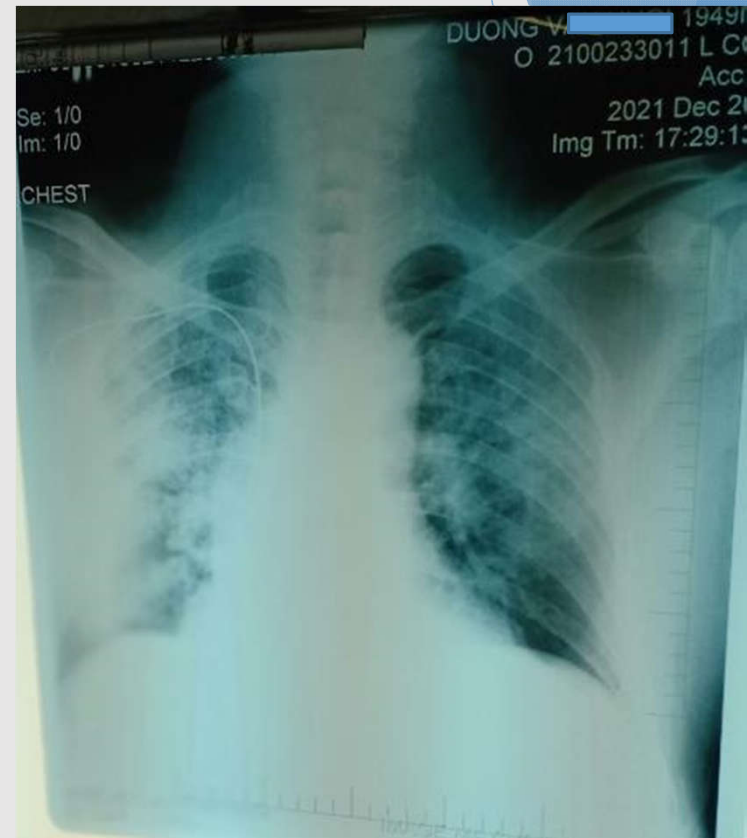
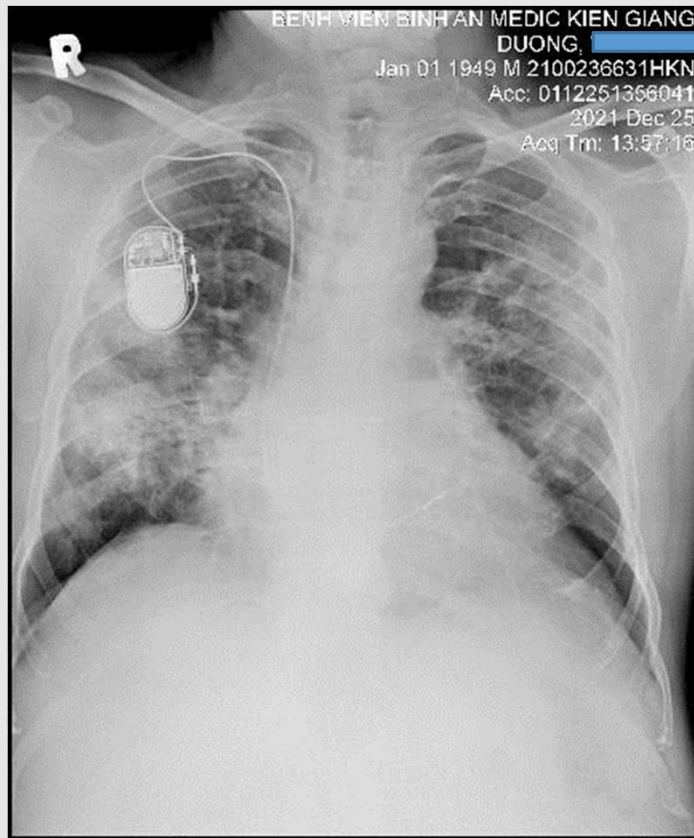
15 giờ 55 phút, ngày 25 tháng 12 năm 2021

KHOA XÉT NGHIỆM

Xét nghiệm

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU
1/ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	54,8	(8 - 37 UI/L)
2/ Định lượng Calci toàn phần(máu)	2,10	(2,1 - 2,8 mmol/L)
3/ CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity)	13,53	(<5 mg/L)
4/ Định lượng HbA1c	7,5	(4,10 - 6,50 %A1C)
5/ Thời gian prothrombin (PT: Prothrombi Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	*	
Prothrombin Time	78	(70 - 140 %)
TQ	13,0	(9,4 - 12,5 sec)
INR	1,18	(0,80 - 1,20)
6/ Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	38,4	(25,1 - 36,5 sec)
7/ Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss-phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	4,22	(2,39 - 4,98 g/l)
8/ Định lượng D-Dimer	1,814	(<0,5 µg/mL)
9/ Troponin I (Máu)	0,021	(< 0,06 ng/mL)

X-quang: 25/12/2021 >< 20/12/2021



Thuốc

Ngưng oxy

Tên	01/01/2022	25/12/2021	26/12/2021	27/12/2021	28/12/2021	29/12/2021	30/12/2021	31/12/2021
Natri clorid - Kabi 0.9%/100ml 0....	3	1	4	3	3	3	3	3
Pantocid i.v. 40mg 40mg	1		1	1	1	1	1	1
Tienam Via 500 500mg/500mg			3					
Ceftriaxone EG 1g 1g		2	2					
Meropenem 1g 1g	3			3	3	3	3	3
Levogolds 750mg/150ml 750mg/...	1		1	1	1	1	1	1
Paracetamol 500mg (Syt2019) P...		2	2					
Methyl prednisolon 16 (Syt2019) ...		1	1					
Sodium Chloride 0.9% -500ml (S...	1	1	1	1	1	1	1	1
Metformin 850mg 850mg				1	1			
Atidogrel 75mg	1			1	1	1	1	1
Magnesi B6 5mg + 470 mg			2					
Amitriptylin 25Mg (Syt2021-23) 2...	1	1	1	1	1	1	1	1
A.T Pantoprazol (Syt2021-23) 40...		1						

Ngày 01/01/2022: Xuất viện

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHI
1/ CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity)	19,81	(<5 mg/L)
2/ Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser):	*	
WBC	5,92	(4,0 - 10,0 10 ⁹ /L)
Neu	70,9	(40 - 74 %)
Lym	15,9	(25 - 45 %)
Mono	8,9	(3 - 9 %)
Eos	3,3	(0 - 7 %)
Baso	1,0	(0 - 1,50 %)
RBC	5,39	(3,8 - 5,4 10 ¹² /L)
Hb	16,7	(12 - 18 g/dl)
Hct	51,0	(35 - 50 %)
MCV	94,6	(80 - 97 fL)
MCH	31,0	(26 - 32 pg)
MCHC	32,8	(31 - 36 g/dl)
RDW	14,9	(11,0 - 15,7 %)
PLT	154	(150 - 400 10 ⁹ /L)
MPV	8,2	(6,30 - 10,10 fL)
3/ Định lượng D-Dimer	0,724	(<0,5 µg/mL)
4/ SARS-CoV-2 IgG định lượng	> 40000,0 AU/mL	(> 50 AU/mL : Có đáp ứng miễn dịch sau vaccine hoặc nhiễm nhiên)
*	*	(< 50 AU/mL : Không có đáp ứng miễn dịch)

09 giờ 12 phút, ngày 01 tháng 01 năm 2022



Tái khám 24/01/2022 (sau 3 tuần)

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU
1/ Glucose	6,65	(3,90 - 6,10 mmol/L)
Glucose	120	(70 - 110 mg/dL)
2/ AST (GOT)	34,8	(6 - 25 UI/L)
3/ ALT (GPT)	42,5	(3 - 30 UI/L)
4/ Creatinin	1,00	(0,60 - 1,40 mg/dL)
5/ Điện giải đồ (Na, K, Cl)	*	
Na	131,3	(130 - 145 mmol/L)
K	3,90	(3,50 - 5,10 mmol/L)
Cl	103,6	(96 - 108 mmol/L)
6/ CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity)	6,61	(<5 mg/L)
7/ Cholesterol toàn phần	4,16	(3,40 - 5,40 mmol/L)
8/ HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	0,98	(≥0,90 mmol/L)
9/ LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	2,75	(<3,60 mmol/L)
10/ Triglycerid	0,77	(0,6 - 2,30 mmol/L)
11/ Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser):	*	
WBC	6,75	(4,0 - 10,0 10 ⁹ /L)
Neu	65,7	(40 - 74 %)
Lym	22,9	(25 - 45 %)
Mono	8,4	(3 - 9 %)
Eos	2,0	(0 - 7 %)
Baso	1,0	(0 - 1,50 %)
RBC	5,10	(3,8 - 5,4 10 ¹² /L)

08 giờ 53 phút, ngày 24 tháng 01 năm 2022

KHOA XÉT NGHIỆM

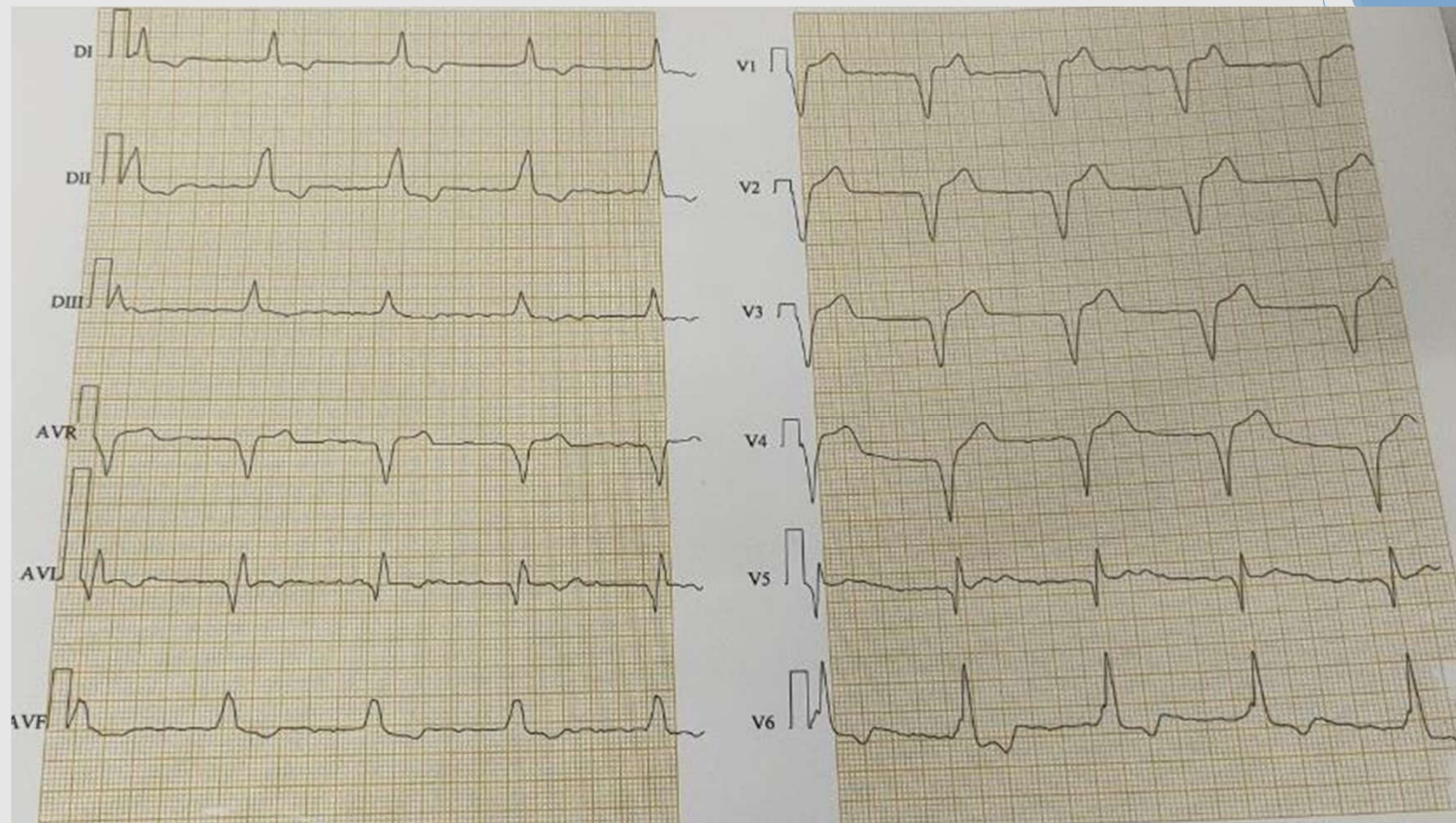
TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU
Hb	15,5	(12 - 18 g/dl)
Hct	47,8	(35 - 50 %)
MCV	93,7	(80 - 97 fL)
MCH	30,4	(26 - 32 pg)
MCHC	32,5	(31 - 36 g/dl)
RDW	15,0	(11,0 - 15,7 %)
PLT	237	(150 - 400 10 ⁹ /L)
MPV	8,5	(6,30 - 10,10 fL)
12/ Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	*	
Prothrombin Time	79	(70 - 140 %)
TQ	12,9	(9,4 - 12,5 sec)
INR	1,17	(0,80 - 1,20)
13/ Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss-phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	3,67	(2,39 - 4,98 g/l)
14/ Định lượng D-Dimer	0,502	(<0,5 µg/mL)
15/ SARS-CoV-2 IgG định lượng	> 40000,0 AU/mL	(> 50 AU/mL : Có đáp ứng miễn dịch sau vaccine hoặc nhiễm tự nhiên)
*	*	(< 50 AU/mL : Không có đáp ứng miễn dịch)

Ghi chú:

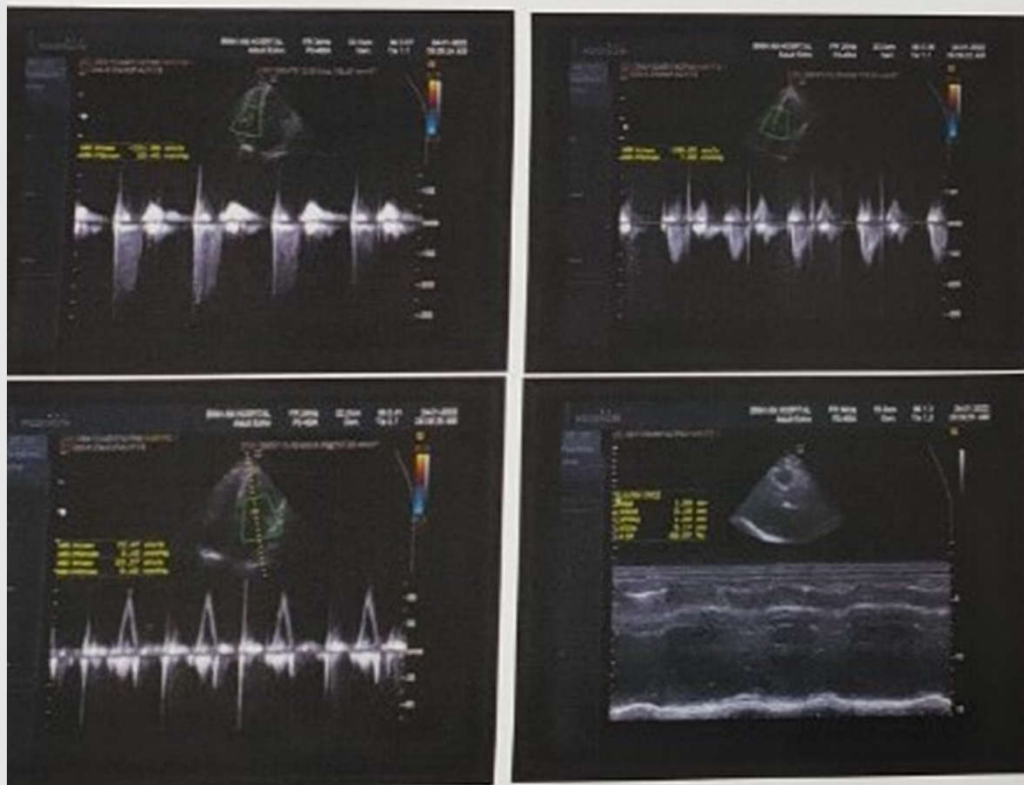
08 giờ 53 phút, ngày 24 tháng 01 năm 2022

KHOA XÉT NGHIỆM

ECG



Siêu âm tim



1. Dòng qua van 2 lá: E/A: 1.12

- E(Vận tốc tại điểm E): 0.7 m/s
- EPG(Chênh áp tại điểm E): 2.1 mmHg
- Vmax(Vận tốc tối đa): m/s
- Vmean: m/s - PGmean: mmHg
- Hẹp van 2 lá: Không
- Hở van 2 lá: 2/4

- A(Vận tốc tại điểm A): 0.3 m/s
- APG(Chênh áp tại A): 0.4 mmHg
- MVA(Diện tích lỗ van 2 lá): cm²

2. Dòng qua động mạch chủ:

- Vmax(Vận tốc tối đa): 1 m/s
- PGmax(Chênh áp tối đa): 7 mmHg
- Hở van ĐMC: Không
- Hẹp van ĐMC: Không

- Vmean(Vận tốc trung bình): m/s
- PGmean(Chênh áp trung bình): mmHg
- ĐK dòng hở: mm
- Độ lún dòng hở: mm

3. Dòng qua 3 lá:

- Hở 3 lá: 2/4
- PGmax(Chênh áp tối đa): mmHg
- Vmax(Vận tốc tối đa): 1 m/s
- PGmax(Chênh áp tối đa): 4 mmHg
- Hẹp van ĐMP: Không
- PAPm: mmHg

- Vmax(Vận tốc tối đa): 2.5 m/s
- PAPs(Áp lực ĐMP tâm thu): 30 mmHg
- Vmean(Vận tốc trung bình): m/s
- PGmean(Chênh áp trung bình): mmHg
- PAPd: mmHg

5. Dòng bất thường vách liên thất: Không.

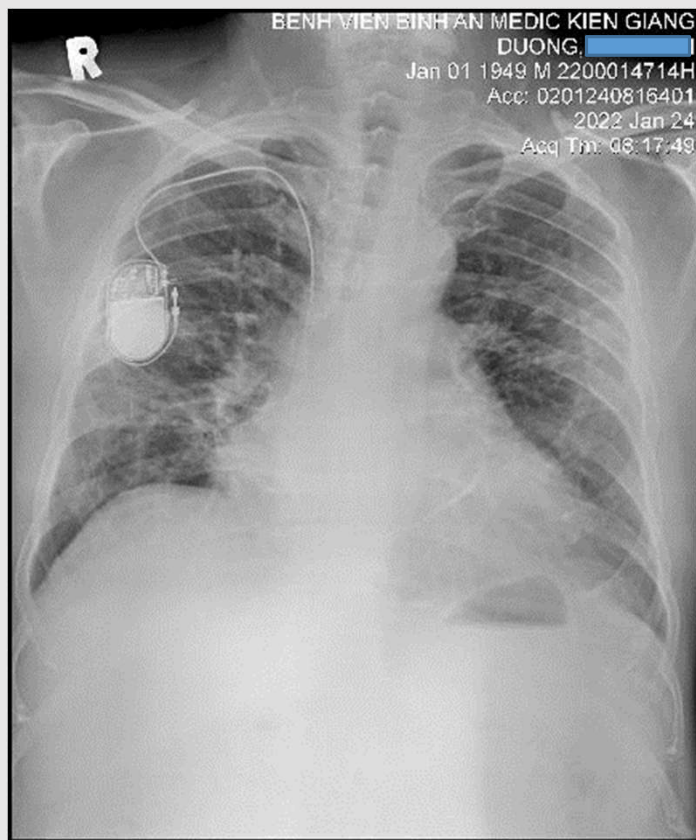
6. Dòng bất thường vách liên nhĩ: Không.

Kết luận:

DẪN LỚN NHĨ TRÁI - HỞ VAN HAI LÁ 2/4
DÂY ĐÓNG TÂM THẤT TRÁI NHỂ DO TĂNG HUYẾT ÁP
HỞ VAN BA LÁ 2/4
BỆNH TIM THIỂU MÁU CỤC BỘ
CHỨC NĂNG TÂM THU THẤT TRÁI BẢO TỒN

Đề nghị:

X-quang: 24/01/2022 >< 01/01/2022

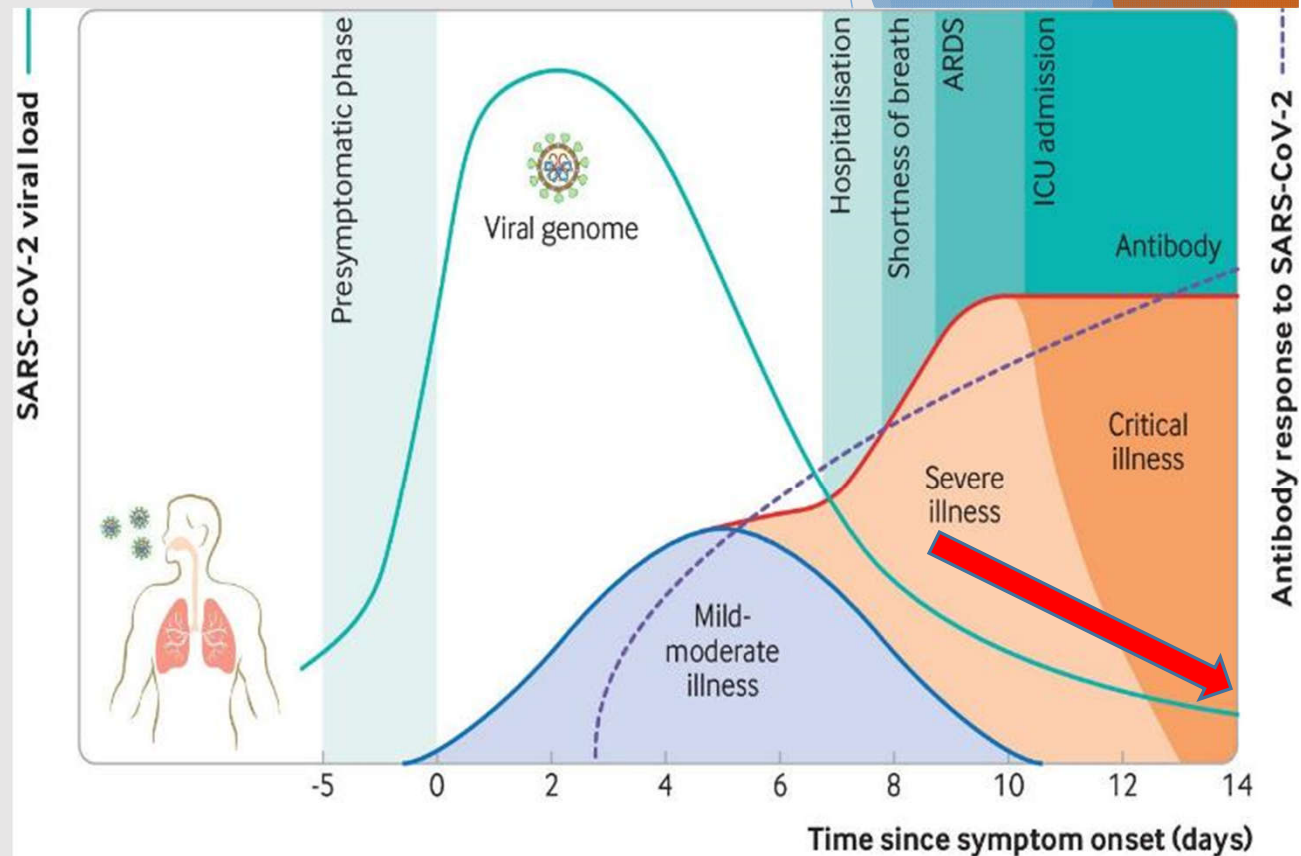


- ▶ Còn một khi vận động mạnh
- ▶ SpO2 = 97-98% khí trời
- ▶ Phổi không ran
- ▶ Xử trí: Thể dục, vật lý trị liệu hô hấp, thuốc chống xơ phổi (Nintedanib?, tế bào gốc?), điều trị bệnh nền.



Bàn luận:

- BN nhập viện pha phổi muộn -> tổn thương và di chứng xơ phổi
- Tổn thương phổi nặng, tiên lượng xấu nhưng chủ yếu là viêm + bội nhiễm, BN diễn tiến hồi phục tốt: kháng đông do máy tạo nhịp?), và tải lượng virus thấp (PCR, CT 34 -> âm tính)



Muge Cevik et al. BMJ 2020;371:bmj.m3862

thebmj

Bài Học

- ▶ Phát hiện tổn thương phổi sớm tiên lượng sống còn tốt hơn (nhất là BN ko triệu chứng, giảm oxy thềm lặn, bệnh nền nhiều).
- ▶ Vai trò thuốc (4K): kháng viêm, kháng đông, kháng virus, kháng sinh, trong điều trị viêm phổi covid 19.
- ▶ Đánh giá tổng thể, toàn diện lâm sàng -> CLS để có hướng xử trí kịp thời, tốt nhất cho BN.
- ▶ Cần quan tâm kiểm tra hậu covid trên những người có tổn thương phổi; bệnh nền; có triệu chứng khác sau nhiễm covid.

Tài liệu tham khảo:

- ▶ 1. Quyết định số 4689/QĐ-BYT ngày 06/10/2021: Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19 (cập nhật lần thứ 7)
- ▶ 2. [Virology, transmission, and pathogenesis of SARS-CoV-2 | The BMJ](#)
- ▶ 3. COVID-19 rapid guideline: managing the long-term effects of COVID-19. London: National Institute for Health and Care Excellence (NICE); 2020 Dec 18. (NICE Guideline, No. 188.) Available from: <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/books/NBK567261/>

XIN CẢM ƠN VÀ KÍNH CHÚC SỨC KHỎE
QUÝ THẦY CÔ VÀ QUÝ ANH CHỊ

